

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGUYÊN BÌNH
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27-8-2021

V/v: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGUYÊN BÌNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Lịch

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Hữu

Bà Mã Thu Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng:
Không tham gia.

Ngày 27 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-HNGĐ và Quyết định đưa vụ án ra xét xử (lần 2) số 04/2021/QĐXXST-HNGĐ cùng ngày 12 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị P; Sinh năm 1973; Dân tộc: Dao; Nghề nghiệp: Viên chức;

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn N, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Đặng Văn L; Sinh năm: 1964; Dân tộc: Dao; Nghề nghiệp: Hưu trí;

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn N, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Đặng Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà P chung sống với ông L từ năm 1992, hôn nhân của ông bà tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng chung sống bình thường. Đến năm 2000 thì tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ việc sau khi có con giữa hai ông bà thường xuyên xảy ra cãi vã do tính tình vợ chồng không hòa hợp. Mâu thuẫn giữa hai ông bà đã được gia đình bên ngoài hòa giải nhưng không được. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đến năm 2016 ông bà sống ly thân cho đến nay. Quá trình sống ly thân hai vợ chồng chung sống cùng nhà nhưng ăn uống, sinh hoạt riêng. Hiện nay, ông bà ly thân đã lâu, bà P nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không có khả năng khắc phục được. Do đó bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn giữa ông Đặng Văn L.

Về con chung: Bà P xác nhận ông, bà có 02 con chung tên Đặng Huy H, sinh ngày 15/8/1997 và Đặng Quang V, sinh ngày 17/12/2005. Đối với con chung Đặng Huy H hiện nay đã trên 18 tuổi, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung Đặng Quang V, bà P đồng ý cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi và bà không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà P xác nhận ông, bà tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - ông Đặng Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông L kết hôn tự nguyện với bà P từ năm 1992, ông có Giấy giới thiệu của Công an tỉnh Cao Bằng đi đăng ký kết hôn từ năm 1994 nhưng hai ông bà không đi đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Sau khi gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán xong, hai vợ chồng chung sống hòa thuận. Đến năm 2007 thì tình cảm vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn. Theo ông L, nguyên nhân mâu thuẫn do bà P thường xuyên say rượu, chửi bới. Ngoài ra bà P khi say rượu còn đập phá nhà cửa, tài sản trong nhà, không chăm sóc con, không vun vén hạnh phúc gia đình. Mặc dù ông L đã khuyên bảo bà P nhiều lần nhưng không được. Hiện nay ông L nhận thấy tình cảm vợ chồng

không còn, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng không thể khắc phục được. Đối với yêu cầu ly hôn của bà P, ông L đồng ý và mong Tòa án giải quyết cho ông bà được ly hôn.

Về con chung: Ông L xác nhận ông, bà có 02 con chung tên Đặng Huy H, sinh ngày 15/8/1997 và Đặng Quang V, sinh ngày 17/12/2005. Đối với con chung Đặng Huy H hiện nay đã trên 18 tuổi, ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung Đặng Quang V, ông L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông L xác nhận ông, bà tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai của con chung Đặng Quang V tại Tòa án, cháu V trình bày: Trường hợp bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được chung sống cùng với bố Đặng Văn L, ngoài ra cháu không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Bà Đặng Thị P khởi kiện ly hôn với ông Đặng Văn L. Ông L có địa chỉ thường trú tại Tổ dân phố 1, thị trấn N, huyện B, tỉnh Cao Bằng nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp về hướng dẫn thi hành một số quy định Luật Hôn nhân và gia đình thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Cao Bằng.

Bị đơn ông Đặng Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà P và ông L chung sống với nhau từ năm 1992 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Mặc dù đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng trong quá trình chung sống đến nay, ông bà không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau một thời gian chung sống thì tình cảm giữa bà P và ông L phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xác định do cả hai bên tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Cả hai ông bà đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn nhiều lần nhưng không được. Thời gian ông bà sống ly thân tới nay đã được 05 năm. Hiện nay bà P yêu cầu ly hôn do nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng không có khả năng khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, ông L cũng đồng ý với yêu cầu của bà P. Do đó căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình và điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của bà P là có căn cứ để chấp nhận và cần tuyên bố không công nhận bà Đặng Thị P và ông Đặng Văn L là vợ chồng.

[3] *Về con chung*: Bà P và ông L cùng xác nhận ông, bà có 02 con chung tên Đặng Huy H, sinh ngày 15/8/1997 và Đặng Quang V, sinh ngày 17/12/2005.

Đối với con chung Đặng Huy H hiện nay đã trên 18 tuổi, bà P và ông L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Đối với con chung Đặng Quang V, bà P đồng ý cho ông L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và bà P không cấp dưỡng nuôi con chung. Ông L đồng ý với ý kiến của bà P. Mặt khác, nguyện vọng của cháu Đặng Quang V trong trường hợp bố mẹ cháu ly hôn là được chung sống cùng với bố. Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận giữa bà P và ông L là tự nguyện, đúng pháp luật, đúng với nguyện vọng của con chung nên cần được ghi nhận. Do đó, cần áp dụng các Điều 58; 81; 82; 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung Đặng Quang V cho ông L trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung đến đủ 18 tuổi và ghi nhận ý kiến của ông L về việc không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con chung. Bà P và ông L thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con sau ly hôn theo các

Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, không ai được cản trở.

[4] *Về tài sản chung*: Bà P và ông L cùng xác nhận ông, bà tự thỏa thuận về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Về nợ chung: Không có.

[5] *Về án phí*: Bà Đặng Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 54, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp về hướng dẫn thi hành một số quy định Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Đặng Thị P và ông Đặng Văn L là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung Đặng Quang V, sinh ngày 17/12/2005 cho ông Đặng Văn L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, bà Đặng Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Đặng Thị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Bà Đặng Thị P và ông Đặng Văn L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trường hợp sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

Về nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Bà Đặng Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà P đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0001324 ngày 26/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Cao Bằng. Xác nhận bà P đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Nguyên Bình;
- Chi cục THADS huyện Nguyên Bình;
- Đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thu Lịch